

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản trị kinh doanh năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Quản trị kinh doanh (mã ngành 7340101)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Quản trị kinh doanh
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Business Administration
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Quản trị kinh doanh
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: Business Administration
Mã ngành	: 7340101
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh Tên Tiếng Anh: Business Administration
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh Tên Tiếng Anh: Business Administration
3	Mã ngành	7340101
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
14	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh định hướng Kinh doanh số có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế, các nền tảng kinh doanh số, doanh nghiệp khởi nghiệp, với các vị trí như: • Chuyên viên kinh doanh, phát triển thị trường, quản trị quan hệ khách hàng; • Chuyên viên marketing, digital marketing, thương mại điện tử, quản trị thương hiệu số; • Chuyên viên phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu kinh doanh, quản trị vận hành kinh doanh số; • Chuyên viên quản trị vận hành, quản lý chất lượng, điều phối hoạt động doanh nghiệp; • Chuyên viên nhân sự, hỗ trợ quản trị tài chính doanh nghiệp; • Chuyên viên phát triển dự án đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm/dịch vụ số; • Nhà sáng lập hoặc thành viên các dự án khởi nghiệp.
16	CTĐT đối sánh	Quản trị kinh doanh số của ĐH Kinh tế TP.HCM và Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng
17	Mục tiêu chung	Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh định hướng Kinh doanh số là lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về marketing và kinh doanh, sản xuất – chất lượng, nhân sự, tài chính và khả năng ứng

		dụng kỹ thuật số vào kinh doanh và quản lý. Sinh viên tốt nghiệp còn có khả năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh số.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	Kiến thức	PLO 1: Áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương trong quản trị doanh nghiệp. PLO 2: Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số. PLO 3: Phân tích và vận dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong môi trường số
18.2	Kỹ năng	PLO 4: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề dựa trên cơ sở ứng dụng các mô hình kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị doanh nghiệp. PLO 5: Vận dụng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu quản trị doanh nghiệp trong môi trường số PLO 6: Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh số
18.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 7: Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, đạo đức số, hội nhập quốc tế và chủ động học tập suốt đời PLO 8: Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm PLO 9: Lập kế hoạch, tổ chức, vận hành và kiểm soát các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số
19	Cấu trúc CTĐT	Kiến thức GD đại cương (40TC) + Kiến thức GD chuyên nghiệp (92TC) + Kiến thức GDTC và GDQP + Kiến thức chuyên đề bổ trợ
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Quản trị kinh doanh
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Business Administration
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh
Mã ngành	: 7340101
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh Tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh định hướng Kinh doanh số có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế, các nền tảng kinh doanh số, doanh nghiệp khởi nghiệp, với các vị trí như:

- Chuyên viên kinh doanh, phát triển thị trường, quản trị quan hệ khách hàng;
- Chuyên viên marketing, digital marketing, thương mại điện tử, quản trị thương hiệu số;
- Chuyên viên phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu kinh doanh, quản trị vận hành kinh doanh số;
- Chuyên viên quản trị vận hành, quản lý chất lượng, điều phối hoạt động doanh nghiệp;
- Chuyên viên nhân sự, hỗ trợ quản trị tài chính doanh nghiệp;
- Chuyên viên phát triển dự án đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm/dịch vụ số;
- Nhà sáng lập hoặc thành viên các dự án khởi nghiệp.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

Quản trị kinh doanh số của ĐH Kinh tế TP.HCM và Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng.

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh định hướng Kinh doanh số là lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về marketing và kinh doanh, sản xuất – chất lượng, nhân sự, tài chính và khả năng ứng dụng kỹ thuật số

vào kinh doanh và quản lý. Sinh viên tốt nghiệp còn có khả năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh số.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm, bao gồm:

1. Kiến thức về khoa học cơ bản, kiến thức tổng quan và chuyên sâu về marketing và kinh doanh, sản xuất – chất lượng, nhân sự, tài chính theo định hướng kinh doanh số.
2. Khả năng ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) vào phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong quản trị doanh nghiệp; có tư duy hệ thống, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, và học tập suốt đời.
3. Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm; Khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của bản thân và tập thể.
4. Khả năng đổi mới sáng tạo trong việc lập kế hoạch, triển khai, vận hành các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CĐR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
1	Kiến thức				
PLO1	Áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương trong quản trị doanh nghiệp.	Ứng dụng kiến thức toán trong quản trị doanh nghiệp	PI1.1	4	CĐR chung
		Ứng dụng kiến thức khoa học xã hội trong quản trị doanh nghiệp	PI1.2		
		Ứng dụng kiến thức khoa học chính trị và pháp luật trong quản trị doanh nghiệp	PI1.3		
PLO2	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Ứng dụng được kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	PI2.1	4	CĐR chuyên biệt
		Ứng dụng kiến thức khoa học dữ liệu trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	PI2.2		
		Ứng dụng được công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	PI2.3		
PLO3	Phân tích và vận dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong môi trường số	Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị sản xuất và chất lượng trong môi trường số	PI3.1	4	CĐR chuyên biệt
		Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị nhân sự và tài chính trong môi trường số	PI3.2		
		Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị marketing và kinh doanh trong môi trường số	PI3.3		
2	Kỹ năng				
PLO4	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề dựa trên cơ sở ứng dụng các mô	Áp dụng kiến thức cơ bản trong giải quyết vấn đề	PI4.1	4	CĐR chuyên biệt
		Áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong giải quyết vấn đề	PI4.2		

STT	CĐR (Program learning outcomes - PLOs) hình kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị doanh nghiệp.	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề dựa trên kiến thức chuyên ngành, các mô hình kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị doanh nghiệp	PI4.3		
PLO5	Vận dụng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu quản trị doanh nghiệp trong môi trường số	Lập kế hoạch cho một nghiên cứu	PI5.1	4	CĐR chuyên biệt
		Thực hiện nghiên cứu	PI5.2		
		Vận dụng tư duy hệ thống về các vấn đề kinh tế xã hội và quản trị.	PI5.3		
PLO6	Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh số	Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức	PI6.1	3	CĐR chung
		Phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong hoạt động kinh doanh số	PI6.2		
		Viết, đọc hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh	PI6.3		
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO7	Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, đạo đức số, hội nhập quốc tế và chủ động học tập suốt đời	Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp	PI7.1	4	CĐR chung
		Hội nhập quốc tế	PI7.2		
		Tìm kiếm và tổng hợp kiến thức mới thông qua các phương pháp tự học hiệu quả	PI7.3		
PLO8	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm	Lập kế hoạch và phân công công việc trong nhóm	PI8.1	4	CĐR chung
		Phối hợp hoạt động trong nhóm	PI8.2		
		Đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm	PI8.3		
PLO9	Lập kế hoạch, tổ chức, vận hành và kiểm soát các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	Lập kế hoạch các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	PI9.1	5	CĐR chuyên biệt
		Tổ chức và vận hành các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	PI9.2		
		Đánh giá, kiểm soát, và cải thiện hiệu quả các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số	PI9.3		

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	34	6	
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14		
2	Tin học	3	3		
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8		

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)	6	6		
6	Kiến thức giáo dục đại cương khác	3	3		
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	80	12	
1	Nhập môn ngành	3(2+1)	3(2+1)		
2	Cơ sở ngành	32	26	6	
3	Chuyên ngành	49	43	6	
4	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
5	Khoá luận tốt nghiệp	6	6		
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	(8)			0%
1	Giáo dục thể chất	(3)			0%
2	Giáo dục quốc phòng	(4)			0%
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	(4)			0%
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1		0%
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3		0%
TỔNG CỘNG					

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	Tin học		3			
1	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
1	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	4		
2	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	4		
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC). Khuyến khích sinh viên chọn trong cùng một nhóm tự chọn, tuy nhiên có thể học 2 học phần ở 2 nhóm tự chọn khác nhau của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1: Huấn luyện, đào tạo đội ngũ kỹ thuật			6	6	0	
N1.1	APPS230391	Tâm lý học ứng dụng	3	3	0	
N1.2	DOTT230490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật	3	3	0	
Nhóm 2: Pháp Luật trong môi trường kinh tế			6	6	0	
N2.1	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
N2.2	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 3: Môi trường và Phát triển bền vững			6	6	0	
N3.1	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
N3.2	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 4: Kỹ năng sống			6	6	0	
N4.1	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	
N4.2	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)		6			
1	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3		
2	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3		
I.6	Kiến thức giáo dục đại cương khác		3	3		
1	BSTA231106	Thống kê trong kinh doanh	3	3		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92			
II.1	Nhập môn ngành		3			
1	INBA130206	Nhập môn ngành QTKD	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		32			
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		26			
1	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
2	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	3		
3	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
4	BLAW220308	Luật kinh tế	2	2		
5	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	3		
6	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	2		

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
7	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	3		MTQ: RMET22040 6
8	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3	3		
9	PRMA130306	Nguyên lý marketing	3	3		
II.2.2	Kiến thức tự chọn (<i>Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn học sau</i>)		6			
1	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	3		
2	CSRE231306	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	3		
3	DECO230407	Kinh tế số	3	3		
4	INMA231406	Quản trị sáng tạo và đổi mới	3	3		
5	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3	2	1	
6	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	3		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		49			
II.3.1	Kiến thức bắt buộc**		43			
N1.1	OPMA340806	Quản trị vận hành	4	4		
N1.2	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	3		
N1.3	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	3		
N1.4	ELOG332509	Logistics điện tử	3	3		
N2.1	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	3		
N2.2	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	3		
N2.3	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	3		MHT: FUMA23080 6
N2.4	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3	3		
N2.5	DSMA331806	Quản trị chiến lược trong môi trường số	3	3		
N3.1	DHRM331906	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số	3	3		
N3.2	CCMA332006	Quản trị đa văn hóa	3	3		
N4.1	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	3		
N4.2	PRMA434308	Quản trị dự án	3	3		
N4.3	MARI331907	Quản trị rủi ro	3	3		
II.3.2	Kiến thức tự chọn (<i>Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn sau</i>)		6			
1	BPLA430606	Kế hoạch kinh doanh	3			
2	MAAC430507	Kế toán quản trị	3			
3	ORBE330306	Hành vi tổ chức	3			
4	BUSI332106	Mô phỏng kinh doanh	3			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
5	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3			
6	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3			
II.4.	Thực tập tốt nghiệp		2			
1	BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	2	2		
II.5.	Khoá luận tốt nghiệp		6			
1	BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	6	6		
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
1	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 09 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
2	FOOT112330	Bóng đá	1			
3	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
4	BASK112330	Bóng rổ	1			
5	BADM112330	Cầu lông	1			
6	TENN112330	Quần vợt	1			
7	KARA112330	Không thủ đạo	1			
8	CHES112330	Cờ vua	1			
9	PICK112330	Pickleball	1			
10	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
1	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
2	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
3	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
4	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
1	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
2	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

(**) N1: Hướng Quản trị sản xuất-chất lượng; N2: Hướng Marketing và Kinh doanh; N3: Hướng Quản trị nhân sự; N4: Hướng Quản trị tài chính

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*

3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	
7.		Giáo dục thể chất		
8.		Giáo dục Quốc phòng		
9.	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INBA130206	Nhập môn ngành QTKD	3(2+1)	1	
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	2	
3.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	1	
4.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	1	
5.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
Tổng			16		

Ghi chú: Môn Nhập môn ngành QTKD có mời chuyên gia từ doanh nghiệp hoặc cựu sinh viên thành đạt về trình bày.

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	1	
2.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	2	
4.	PRMA130306	Nguyên lý Marketing	3	2	
5.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
6.		Tự chọn đại cương	3	1-2	
7.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1	2	
Tổng			18		

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BSTA231106	Thống kê trong kinh doanh	3	1	
2.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	1	
3.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	2	
4.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	2	
5.	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3		
6.		Tự chọn đại cương	3	1-2	
7.		Tự chọn cơ sở ngành	3	1-2	
Tổng			19		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	1	MTQ: RMET220406

2.	PRMA434308	Quản trị dự án	3	2	
3.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	1	
4.	ELOG332509	Logistics điện tử	3	2	
5.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	1	
6.		Tự chọn cơ sở ngành	3	1-2	
Tổng			18		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DHRM331906	Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số	3	2	
2.	IMCO334008	Truyền thông marketing tích hợp	3	1	
3.	OPMA340806	Quản trị vận hành	4	1	
4.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	2	
5.	DSMA331806	Quản trị chiến lược trong môi trường số	3	2	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	1-2	
Tổng			19		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MARI331907	Quản trị rủi ro	3	1	
2.	CCMA332006	Quản trị đa văn hóa	3	2	
3.	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3	1	
4.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	
5.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	1	
6.		Tự chọn chuyên ngành	3	1-2	
Tổng			18		

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1	2	Không tích lũy
2.	BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	2	1-2	
Tổng			2		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	6	1-2	INTE421106
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Ngoài phòng học lý thuyết, sinh viên ngành QTKD chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo, như các phòng sau đây: Phòng BI (A4-201), A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B và một số phần mềm hỗ trợ tại các phòng này.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.

- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (LLCT120205)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (LLCT130105)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa... Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật...

2. Triết học Mác – Lênin (LLCT130105)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được những nội dung cơ bản về triết học Mác-Lê nin, vai trò và những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (LLCT120405)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: LLCT130105

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung, sứ mệnh lịch sử, vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học. Vận dụng được tri thức để giải thích những vấn đề chính trị - xã hội hiện nay. Có lập trường tư tưởng vững vàng, có tinh thần phê bình và có ý thức kỷ luật tốt...

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (LLCT120314)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: LLCT130105

Tóm tắt nội dung học phần:

Trình bày được khái niệm, cơ sở hình thành, hệ thống quan điểm và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng được các cơ sở, phương pháp luận vào lĩnh vực chuyên ngành.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (LLCT220514)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314

Tóm tắt nội dung học phần:

Trình bày được các nội dung cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Áp dụng được kiến thức để giải quyết được vấn đề trong cuộc sống. Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Pháp luật đại cương (GELA236939)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Trình bày được các nội dung cơ bản về lý luận Nhà nước và pháp luật, các quy định của pháp luật VN. Vận dụng giải quyết được tình huống trong thực tế.

7. Toán kinh tế 1 (MATH132701)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế

8. Toán kinh tế 2 (MATH132801)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: MATH132701

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9. Thống kê trong kinh doanh (BSTA231106)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: MATH132801

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thống kê đặc biệt là áp dụng vào việc quản trị chất lượng, quản trị vận hành, phân tích kinh doanh và ra quyết định trong kinh doanh.

10. Nhập môn ngành QTKD (INBA130206)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (2/1/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Quản trị kinh doanh cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

11. Tin học ứng dụng (APCM230307)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tin học ứng dụng trong kinh tế và quản lý như thống kê các dữ liệu lớn (big data), quản lý các hàng tồn kho, các đơn hàng xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý tiền lương, thuế TNCN của người lao động,... bằng các công cụ Excel nâng cao và Visual basics. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức xử lý dữ liệu cơ bản như thống kê cơ bản, trực quan hóa dữ liệu cơ bản với Python trên môi trường Google Colaboratory. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

12. Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh sơ cấp (ENCO140126)

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này đặc biệt cung cấp cho sinh viên cơ hội hiểu các câu và các biểu đạt thường dùng liên quan đến các lĩnh vực gần gũi nhất, chẳng hạn như thông tin cá nhân và gia đình cơ bản, mua sắm, địa lý địa phương, và công việc. Khóa học giúp sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh nói trong các nhiệm vụ đơn giản và thường lệ, yêu cầu trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề quen thuộc và thường xuyên. Sinh viên được yêu cầu mô tả bằng tiếng Anh nói các khía cạnh đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh, và các vấn đề trong các lĩnh vực cần thiết trước mắt.

13. Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh trung cấp (ENCO240126)

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này đặc biệt mang đến cho sinh viên cơ hội hiểu được các ý chính của các đoạn tiếng Anh tiêu chuẩn rõ ràng về những chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, trường học, giải trí và các tình huống tương tự. Sinh viên được yêu cầu xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi du lịch ở những nơi nói tiếng Anh. Họ cũng được yêu cầu tạo ra các bài nói tiếng Anh đơn giản, kết nối về các chủ đề quen thuộc hoặc có liên quan đến sở thích cá nhân. Sinh viên còn được chuẩn bị để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão của mình một cách ngắn gọn, đồng thời đưa ra lý do và giải thích cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

14. Kỹ năng xây dựng kế hoạch (PLSK120290)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học hình thành cho mình kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch cá nhân ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức và kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

15. NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG HÌNH ẢNH CÁ NHÂN (PID237653)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về xây dựng, thể hiện và quản trị hình ảnh cá nhân trong môi trường học tập và nghề nghiệp, bao gồm diện mạo, phong thái, giao tiếp, ứng xử, văn hóa ăn uống, trang phục và hình ảnh số. Từ đó, người học được hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử và hội nhập, tự chủ và trách nhiệm trong hành vi nghề nghiệp và có năng lực tự phát triển, định hướng hình ảnh cá nhân.

16. Tư duy hệ thống (SYTH220491)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

17. Nhập môn logic học (INLO220405)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về quá trình nhận thức của con người và bản chất của hoạt động tư duy, các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức của tư duy qua đó rèn luyện tư duy logic, có thể sử dụng chính xác từ, câu trong diễn đạt tư tưởng, có kỹ năng lập luận, diễn giải cũng như chứng minh, bác bỏ vấn đề có sức thuyết phục, suy nghĩ chín chắn, nhất quán, khắc phục những sai phạm trong tư duy, trong giao tiếp

18. Tâm lý học kinh doanh (PSBU220408)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

19. Giao tiếp kinh doanh (BCOM320106)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận của hoạt động giao tiếp như: Khái niệm, vai trò, ý nghĩa của giao tiếp... Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được học các nguyên lý giao tiếp hiệu quả, các hình thức giao tiếp và cách vận dụng những kỹ năng giao tiếp vào thực tế công việc hàng ngày, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh.

20. Luật kinh tế (BLAW220308)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Luật kinh doanh từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh doanh với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng...

21. Kinh tế học (ECON240206)

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Kinh tế học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

22. Nguyên lý kế toán (PRAC230407)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

23. Quản trị học căn bản (FUMA230806)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

24. Hệ thống thông tin quản lý (MIS) (MAIS430306)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

25. Phương pháp nghiên cứu (RMET220406)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

26. Phân tích dữ liệu (DANA230706)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

27. Tối ưu hóa (MAOP230706)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

28. Nguyên lý Marketing (PRMA130306)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng.

29. Quản trị vận hành (OPMA340806)

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, thuật ngữ, nguyên tắc, phương pháp luận và kỹ thuật cũng như thực hành trong Quản lý vận hành. Các chủ đề bao gồm chiến lược vận hành, quyết định vận hành, lập kế hoạch năng lực, dự báo, vị trí cơ sở, lập kế hoạch tổng hợp, lập lịch sản xuất, lập kế hoạch nhu cầu vật tư và bố trí cơ sở. Đây là môn học chính giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và áp dụng vào thực tế trong các doanh nghiệp sản xuất và nhà cung cấp dịch vụ

30. Quản trị chất lượng (QMAN331606)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

31. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) (ERPS431208)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

32. Logistics điện tử (ELOG332509)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Logistics điện tử cung cấp các kiến thức liên quan đến các khái niệm của kinh doanh điện tử (E-Business), Logistics điện tử (E-Logistics), Các mô hình E-Logistics, Vận tải và kho bãi trong E-Logistics, Các công nghệ được ứng dụng cho hoạt động vận hành E-Logistics, vận hành cảng biển, Quy trình xây dựng chiến lược và xây dựng dự án E-Logistics.

33. Truyền thông marketing tích hợp (IMCO334008)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực Truyền thông Marketing, đặc biệt là Truyền Thông Marketing Tích Hợp dựa trên các kiến thức cơ bản về Marketing. Môn học giúp sinh viên có khả năng xây dựng, thực hiện và đánh giá một chương trình Truyền thông Marketing Tích hợp cho một sản phẩm hoặc nhãn hàng bất kỳ của doanh nghiệp một cách có hệ thống và phù hợp.

34. Thương mại điện tử (ECOM431308)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

35. Quản trị ngoại thương (FTMA430908)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

36. Phân tích kinh doanh (BUAN331706)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích kinh doanh. Môn học này khám phá sự tích hợp của các kỹ thuật khoa học dữ liệu với chiến lược kinh doanh và ra quyết định. Sinh viên sẽ học cách thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để thúc đẩy hiểu biết và chiến lược kinh doanh. Các chủ đề bao gồm quản lý dữ liệu, phân tích dữ liệu khám phá, mô hình dự đoán, máy học, công nghệ dữ liệu lớn và truyền đạt hiệu quả những hiểu biết sâu sắc dựa trên dữ liệu

37. Quản trị chiến lược trong môi trường số (DSMA331806)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

38. Quản trị bán hàng (SAMA332008)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng, bao gồm: đặc trưng hoạt động bán hàng, môi trường bán hàng, tổ chức, quản lý, và kiểm soát hoạt động bán hàng, phân tích hành vi khách hàng, ứng dụng các kỹ thuật bán hàng v.v. Xuyên suốt môn học, sinh viên sẽ tham gia thực tế một dự án bán hàng bất kỳ để vận dụng các kiến thức được trang bị. Những kiến thức thực tiễn cũng như lý thuyết sẽ hỗ trợ tốt cho sinh viên trong hoạt động kinh doanh thực tiễn sau này.

39. Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số (DHRM331906)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

40. Quản trị đa văn hóa (CCMA332006)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học các lý thuyết và thực tiễn liên quan đến văn hoá và văn hoá tổ chức, xu hướng thực hành quản trị đa văn hoá. Đây là nền tảng để người học có thể hội nhập, làm việc và quản lý các nhóm và các tổ chức trong môi trường đa văn hoá.

41. Quản trị tài chính (FIMA430807)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại

diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

42. Quản trị dự án (PRMA434308)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

43. Quản trị rủi ro (MARI331907)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này đề nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý rủi ro doanh nghiệp (RM) đối với thành công của tổ chức là rất kịp thời. RM thành công, bao gồm việc bảo vệ danh tiếng của doanh nghiệp, tiếp tục là một yêu cầu cấp thiết cho tất cả các tổ chức. Một sáng kiến RM thành công nâng cao khả năng của một tổ chức để đạt được các mục tiêu và đảm bảo tính bền vững, dựa trên các hành vi minh bạch và đạo đức

44. Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (BAIN421306)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

45. Khóa luận tốt nghiệp (QTKD) (BAGR461306)

6 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 6 (6/0/16)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình, đồng thời ứng dụng những kiến thức đã học vào trong thực tiễn.

46. Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data) (ABDA433708)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về big data, cách các công ty ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trên thế giới, Việt Nam. Nắm được phương pháp triển khai hiệu quả nhất cho một hệ thống dữ liệu lớn cụ thể và phổ biến.

47. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSRE231306)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cái nhìn toàn diện về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và áp lực của môi trường kinh tế-xã hội. Học phần bao gồm các khái niệm nền tảng và cơ cấu hợp thành Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Trước tiên, học phần giúp người học hiểu về khái niệm bền vững và mối quan hệ với môi trường, xã hội, kinh tế. Tiếp theo, học phần đi sâu vào lý thuyết về các bên liên quan và trách nhiệm của doanh nghiệp; xem xét việc quản trị doanh nghiệp và quản lý các bên liên quan. Học phần cung cấp cái nhìn toàn diện về các trách nhiệm kinh tế, pháp lý, đạo đức và từ thiện cũng như trách nhiệm xã hội chiến lược của doanh nghiệp, trang bị những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn thực hành nguyên tắc, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng như từng cá nhân trong kinh doanh

48. Kinh tế số (DECO230407)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này cung cấp cho người học những kiến cơ bản về nền kinh tế số và các đặc điểm của nền kinh tế số như nền tảng của nền kinh tế số, các thành phần của nền kinh tế số. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức về một số công cụ đo lường nền kinh tế số do Worldbank cung cấp, các số liệu và tình hình về kinh tế số các quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

49. Quản trị sáng tạo và đổi mới (INMA231406)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo không ngừng hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong thời đại của cuộc cách mạng công nghệ 4.0; Đạt được hiểu biết về sáng tạo và đổi mới là cần thiết trong doanh nghiệp; nắm vững các khái niệm về sáng tạo và đổi mới cũng như phương pháp ứng dụng vào thực tế.

50. Lập trình căn bản Python (FUBY333808)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cần thiết có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản bằng Python – một ngôn ngữ lập trình cấp cao, thông dịch, định hướng

đối tượng và đa mục đích. Rèn luyện và phát triển kỹ năng lập trình, tư duy logic. Xây dựng nền tảng cơ bản vững chắc trong ngôn ngữ lập trình Python tạo tiền đề cho việc học các kiến thức lập trình web, Machine learning, Data Science ... phát triển nghề nghiệp.

51. Thanh toán điện tử (EPAY431408)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao quát những kiến thức trong Thanh toán Điện tử, nhằm giúp người học hiểu được những ứng dụng công nghệ mới trong thanh toán và trong giao dịch điện tử, từ những giao dịch đơn lẻ giữa cá nhân với nhau cho tới những giao dịch phức tạp qua các cổng thanh toán điện tử. Học phần này cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình giao dịch không dùng tiền mặt được tiến hành trên mạng Internet ở các thị trường khác nhau, với các đồng tiền khác nhau, cũng như sự bùng nổ của công nghệ thanh toán, đặc biệt chú ý tới thị trường Việt Nam

52. Lập Kế hoạch kinh doanh (BPLA430606)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

53. Kế toán quản trị (MAAC430507)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp...

54. Hành vi tổ chức (ORBE330306)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

55. Mô phỏng kinh doanh (BUSI332106)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp kiến thức chuyên sâu về các kỹ thuật mô phỏng như một công cụ hỗ trợ ra quyết định chiến lược kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách xây dựng và mô phỏng các môi trường kinh doanh để đánh giá chiến lược, dự báo kết quả và tối ưu hóa hiệu suất. Chương trình bao gồm các nội dung về mô hình hóa tác nhân, mô phỏng Monte Carlo, thiết lập hệ thống, và ứng dụng lý thuyết trò chơi.

56. Lập và phân tích dự án (PRAN331106)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C... Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án. Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng

57. Chuyên đề doanh nghiệp (SEMI310026)

1 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 1 (0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Chuyên đề doanh nghiệp là một môn yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động kết nối với doanh nghiệp thông qua các hình thức : tham quan doanh nghiệp, tham gia các hoạt động báo cáo chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp hoặc các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp báo cáo tại trường. Các hoạt động này được thực hiện xuyên suốt từ học kỳ 1 đến học kỳ 6 trong CTĐT của ngành học. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có cái nhìn tổng quan về môi trường làm việc tại doanh nghiệp cũng như có sự gắn kết với doanh nghiệp và nắm bắt được các cơ hội thực tập cũng như cơ hội việc làm tại doanh nghiệp. Sinh viên cũng hiểu được các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai cũng như sự phát triển của khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp

58. Pháp luật về quản trị DN (CGLA337039)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trang bị kiến thức về khung pháp lý trong quản trị doanh nghiệp, bao gồm cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, quản trị nội bộ, và giải quyết tranh chấp. Người học sẽ vận dụng pháp luật để xử lý tình huống thực tế, từ thành lập, vận hành đến tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. Học phần giúp phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn

đề pháp lý. Đây là nền tảng quan trọng để người học khởi nghiệp hoặc hoạt động hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro kinh doanh.

59. Pháp luật lao động (LALA337239)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề chủ yếu: quan hệ lao động; hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; thời giờ làm việc -thời giờ nghỉ ngơi; tiền lương; an toàn lao động và vệ sinh lao động; kỷ luật lao động – trách nhiệm vật chất; bảo hiểm xã hội; giải quyết tranh chấp lao động và đình công. Đây là nền tảng quan trọng để người học thích ứng với thị trường việc làm cũng như hoạt động có hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro phát sinh trong quan hệ lao động của doanh nghiệp.

60. Tâm lý học ứng dụng (APPS230391)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tâm lý học ứng dụng cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hiện tượng tâm lý người; các quy luật nhận thức và tâm lý người. Khi học học phần Tâm lý học ứng dụng, sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ về các biểu hiện tâm lý của bản thân và những người xung quanh. Ngoài ra, sinh viên được trải nghiệm vận dụng các hiện tượng tâm lý người, các lý thuyết tâm lý vào khám phá đặc điểm tâm lý của người sử dụng, từ đó hình thành ý tưởng và giải pháp thiết kế sản phẩm lấy con người làm trung tâm.

61. Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật (DOTT230490)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật cung cấp cho sinh viên các ngành kỹ thuật kiến thức cơ sở chung về huấn luyện cho đội ngũ kỹ thuật trong tổ chức; xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng dẫn sinh viên kỹ năng xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật. Với các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên các ngành kỹ thuật có thể sẵn sàng thực hiện thiết kế và tổ chức các khóa huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp, qua đó góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

62. Biến đổi khí hậu và khí nhà kính (CGHG130210)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Biến đổi khí hậu và khí nhà kính cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề môi trường toàn cầu; tập trung vào biến đổi khí hậu (BĐKH), tác động của khí nhà kính (KNK) và các phương pháp kiểm kê phát thải; giúp sinh viên nắm nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của BĐKH đối với hệ sinh thái, kinh tế và xã hội; đồng thời giới thiệu các công cụ, phương pháp đánh giá phát thải KNK theo hướng dẫn IPCC và các chính sách, thỏa thuận quốc tế như Hiệp định Paris. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ: hiểu rõ nguyên nhân, cơ chế và tác động của BĐKH; hiểu mối liên hệ giữa BĐKH và các lĩnh vực như kinh tế, năng lượng, giao thông, công nghiệp,

nông nghiệp; nhận diện các loại KNK và vai trò của chúng trong hiện tượng nóng lên toàn cầu; nắm vững phương pháp kiểm kê KNK và các công cụ đo lường liên quan; xây dựng thái độ tích cực trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

63. Phát triển bền vững (SUDE130110)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường, các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Sinh viên được trang bị khả năng nhận diện các vấn đề môi trường và xây dựng các chiến lược phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng: Hiểu rõ các khái niệm, nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững (PTBV); Nhận diện và phân tích các vấn đề môi trường, kinh tế và xã hội trong cả bối cảnh toàn cầu và tại Việt Nam; Vận dụng tư duy bền vững vào ngành học và lĩnh vực chuyên môn của mình; Hình thành ý thức và trách nhiệm công dân đối với các vấn đề môi trường và xã hội.

64. Kỹ thuật chế biến thực phẩm (BCTH237553)

Số TC: 3

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và các kỹ thuật chế biến thực phẩm, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chế biến các món ăn gia đình bảo đảm vệ sinh và cân đối dinh dưỡng trong đời sống hằng ngày. Qua đó, người học có kỹ năng cơ bản tự chế biến thực phẩm an toàn, dinh dưỡng và khoa học thích ứng với môi trường sống và làm việc; tự chủ và trách nhiệm đối với sức khỏe cá nhân, cũng như định hướng phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

PHỤ LỤC II
MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG CĐR CỦA CTĐT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI1 .1	PI1 .2	PI1 .3	PI2 .1	PI2 .2	PI2 .3	PI3 .1	PI3 .2	PI3 .3	PI4 .1	PI4 .2	PI4 .3	PI5 .1	PI5 .2	PI5 .3	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI7 .3	PI8 .1	PI8 .2	PI8 .3	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	
Học kỳ 1																													
INBA130206	Nhập môn ngành QTKD		2														3			3		3							4
ECON240206	Kinh tế học		3									4																	2
LLCT130105	Triết học Mác – Lênin			2												3	2			3		3		2					6
MATH132701	Toán kinh tế 1	3																					3						2
APCM230307	Tin học ứng dụng						3					3																	2
Học kỳ 2																													
BLAW220308	Luật kinh tế			4							3												3						3
PRAC230407	Nguyên lý kế toán				3							3																	2
FUMA230806	Quản trị học căn bản		3		4																		4						3
GELA236939	Pháp luật đại cương			3																			3						2
MATH132801	Toán kinh tế 2	3																							3				2
PRMA130306	Nguyên lý Marketing		3							4						4							4	4					5
Học kỳ 3																													
ECOM431308	Thương mại điện tử					4				4																	4		3
BSTA231106	Thống kê trong kinh doanh	3				3								4															3
MAOP230706	Tối ưu hóa	3				3					3																		3
FTMA430908	Quản trị ngoại thương											3				3					4								3

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI1 .1	PI1 .2	PI1 .3	PI2 .1	PI2 .2	PI2 .3	PI3 .1	PI3 .2	PI3 .3	PI4 .1	PI4 .2	PI4 .3	PI5 .1	PI5 .2	PI5 .3	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI7 .3	PI8 .1	PI8 .2	PI8 .3	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	
BAIN421306	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)							3	3	3										3		3					3	6	
Học kỳ 8																													
BAGR461306	Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)				3			4	4	4					4				3								5	7	
Tự chọn cơ sở ngành - Hk3 và HK4																													
ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)					3	3					3						3					3		4			6	
CSRE231306	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		3		3							3			4													4	
DECO230407	Kinh tế số				3						4												4					3	
INMA231406	Quản trị sáng tạo và đổi mới								4			4							3									3	
FUBY333808	Lập trình căn bản Python	4		4		4			4					3					4									6	
EPAY431408	Thanh toán điện tử				2						4							3			3		3					5	
Tự chọn chuyên ngành - HK5 và HK6																													
SAMA332008	Quản trị bán hàng						4			4															4			3	
MAAC430507	Kế toán quản trị										3				4							4						3	
ORBE330306	Hành vi tổ chức				3																		3	3				3	
PRAN331106	Lập và phân tích dự án					3			4		4											4						4	
BUSI332106	Mô phỏng kinh doanh			3	4				4																	5		4	
BPLA430606	Kế hoạch kinh doanh				4						4				4			3				4			4		5	7	
Ngoại ngữ																													
ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Sơ cấp															3		3										2	
ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh Trung cấp															3		3										2	
Tự chọn KHXH/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp - HK2 và HK3																													

Học kỳ/Môn học		Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)																											Số lượng CĐR/ Môn học tham gia đóng góp
		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			
		PI1 .1	PI1 .2	PI1 .3	PI2 .1	PI2 .2	PI2 .3	PI3 .1	PI3 .2	PI3 .3	PI4 .1	PI4 .2	PI4 .3	PI5 .1	PI5 .2	PI5 .3	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI7 .3	PI8 .1	PI8 .2	PI8 .3	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	
Nhóm 1: Huấn luyện, đào tạo đội ngũ kỹ thuật																													
APPS230391	Tâm lý học ứng dụng		3																			4	4						3
DOTT230490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật		3																			4	4						3
Nhóm 2: Pháp Luật trong môi trường kinh tế																													
CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp		4																			3		4					3
LALA337239	Pháp luật lao động		3								3													3					3
Nhóm 3: Môi trường và Phát triển bền vững																													
CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính										3					3								3					3
SUDE130110	Phát triển bền vững										3					3								3					3
Nhóm 4: Kỹ năng sống																													
BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm		2					3																					2
PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân												3						3		2								3
Số lượng môn học/CĐR		7	12	13	13	8	9	6	6	13	7	13	7	4	6	11	9	4	10	13	5	12	9	21	5	6	1	5	
Mức năng lực cao nhất		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	4	4	4	4	4	4	5	4	5	

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương trong quản trị doanh nghiệp.	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong môi trường số.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh số.	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời.	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm.	Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, vận hành và kiểm soát các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số.
2.1	<Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề>				x					
2.2	<Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức>					x				
2.3	<Tư duy tầm hệ thống>					x				
2.4	<Thái độ, tư tưởng và học tập>							x		
2.5	<Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác>							x		
3	Kỹ năng giao tiếp làm việc theo nhóm và giao tiếp									
3.1	<Làm việc theo nhóm>								x	
3.2	<Giao tiếp>						x			
3.3	<Giao tiếp bằng ngoại ngữ>						x			

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Áp dụng được kiến thức giáo dục đại cương trong quản trị doanh nghiệp.	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh trong môi trường số.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu quản trị doanh nghiệp trong môi trường số.	Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh số.	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời.	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm.	Khả năng lập kế hoạch, tổ chức, vận hành và kiểm soát các dự án và hoạt động doanh nghiệp trong môi trường số.
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo									
4.1	<Bối cảnh bên ngoài và xã hội>	x								
4.2	<Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh>		x	x						
4.3	<Hình thành ý tưởng và xây dựng các hệ thống>									x
4.4	<Thiết kế>									x
4.5	<Triển khai>									x
4.6	<Vận hành>									x
4.7	<Nỗ lực trong lãnh đạo kỹ thuật>								x	
4.8	<Sáng nghiệp trong kỹ thuật>									x

./.